

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28- 11- 2019

"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trương Ngọc L**, sinh năm 1969 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Y**, sinh năm 1973 (có mặt);

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp 7 Xáng, xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2018, nguyên đơn ông Trương Ngọc L trình bày và yêu cầu như sau:*

Ông L và bà Phạm Thị Y chung sống với nhau vào năm 1991, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày 01/12/1991 đăng ký đến UBND xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Năm 2008 vợ chồng chuyển vào miền nam sinh sống tại ấp 7 Xáng, xã Đông

Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, làm nghề xay lúa gạo. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì ông L và bà Y không hợp nhau như trong mua bán bà Y luôn phản đối, không ủng hộ mà luôn tự ý quyết định. Khi xảy ra cự cãi thì bà Y chửi mắng thậm tệ. Ông L nghĩ vì hạnh phúc gia đình, vì tương lai các con ông đã nhiều lần khuyên bà Y sửa đổi tính tình cùng chung sống lo cho con nhưng đến nay bà Y vẫn không thay đổi, ông L không sống chung với bà Y nữa đã sống ly thân gần 7 năm nay. Ông L không thể duy trì được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Y. Thời gian chung sống ông và bà Y có 02 đứa con chung tên Trương Ngọc Linh, sinh năm 1993 và Trương Ngọc Hoàng, sinh ngày 03/9/2003 hiện đang sống với bà Y; về tài sản và về nợ chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Phạm Thị Y vắng mặt.

* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông Trương Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà Phạm Thị Y; về con, hiện Trương Ngọc Linh đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Trương Ngọc Hoàng, sinh ngày 03/9/2003. Khi ly hôn ông đồng ý giao con tên Ngọc Hoàng cho bà Y nuôi theo nguyện vọng của Ngọc Hoàng; về tài sản, về nợ chung, không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn bà Phạm Thị Y trình bày; hôn nhân bà xác định hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước, gia đình tổ chức làm đám, thời gian đầu thì vợ chồng sống ngoài bắc sau đó vào miền nam sinh sống, làm ăn tại ấp 7 Xáng, xã Đông Hòa, huyện An Minh, ông L không lo làm ăn mà thường xuyên đi xa nhà và tìm hiểu người phụ nữ khác từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều, bà Y cố gắng nhìn để ông L sửa đổi tính tình vợ chồng sống hạnh phúc nuôi con nhưng càng ngày ông L càng gây mâu thuẫn nhiều hơn, mỗi lần về đến nhà thì kiếm chuyện hành hạ đánh đập bà Y. Nay theo yêu cầu của ông L thì bà đồng ý ly hôn với ông L. Trong thời gian chung sống bà và ông L có 02 đứa con chung Trương Ngọc Linh, sinh năm 1993 đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, con tên Trương Ngọc Hoàng, sinh năm 2003. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung thì bà Y không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên; Về tuân theo pháp của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng nguyên đơn và bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định về Tố tụng dân sự, nguyên đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn Tòa án thông báo về việc mở phiên họp việc giao nộp, tài liệu chứng cứ 02 lần không tham gia, không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án

Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc L xin được ly hôn với bà Phạm Thị Y, ông L và bà Y chung sống với nhau như vợ chồng năm 1991, khi khởi kiện ông L có cung cấp cho Tòa án giấy kê khai đăng ký kết hôn tại xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, có căn cứ khẳng định là ông L và bà Y có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống thì ông L và bà Y thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến phải sống ly thân nhau thời gian gần 7 năm nay tại phiên Tòa hôm nay ông L và bà Y thỏa thuận thuận tình ly hôn nhau, xét thấy việc thuận tình y hôn giữa ông L và bà Y là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX nghị nhận.

Về con chung: Ông L và bà Y xác định có 02 đứa con chung Trương Ngọc Linh, sinh năm 1993 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét. Đối với Trương Ngọc Hoàng, sinh năm 2003, khi ly hôn ông L đồng ý giao con tên Trương Ngọc Hoàng, sinh năm 2003 cho bà Y nuôi, cháu Hoàng có nguyện vọng sống với bà Y, nên đề nghị HĐXX ghi nhận; Về cấp dưỡng: Bà Y không yêu cầu ông L không cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị không xem xét

Về tài sản, về nợ chung, ông Long và bà Yến không tranh chấp nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trương Ngọc L yêu cầu xin được ly hôn và tranh chấp việc nuôi con với bà Phạm Thị Y là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi ông L khởi kiện ly hôn và nuôi con thì bà Y đang cư trú làm ăn sinh sống tại ấp 7 xáng, xã Đông Hòa, huyện An Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà Phạm Thị Y biết và ấn định thời gian để bà có ý kiến về việc ông L khởi kiện ly hôn đối với bà và nuôi con, nhưng bà Y không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng cả hai lần bà Y vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Yến, nhưng tại phiên toà lần thứ nhất nguyên đơn ông Trương Ngọc L vắng mặt nên Tòa án phải hoãn phiên tòa.

[3] Về nội dung và yêu cầu xin ly hôn của ông L thấy rằng: Xét về quan hệ hôn nhân, ông Trương Ngọc L và bà Phạm Thị Y chung sống với nhau vào năm 1991 có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên*) là phù hợp quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay ông L yêu cầu được ly hôn với bà Yến. Bà Y đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L nêu ra, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà Y đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Trương Ngọc L và bà Phạm Thị Y là phù hợp Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Ông L và bà Y cùng thống nhất xác định có 02 đứa con chung tên Trương Ngọc Linh, sinh năm 1993, Trương Ngọc Hoàng, sinh năm ngày 03/9/2003. Trương Ngọc Linh đã đủ tuổi trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn ông L và bà Y thỏa thuận với nhau giao Trương Ngọc Hoàng cho bà Yến nuôi, xét thấy việc thỏa

thuận giữa ông L và bà Y phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngọc Hoàng và phù hợp quy định tại Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, ông L không tự nguyện, nên không xem xét.

[8] Về tài sản chung: Ông L và bà Yến xác định, không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[9] Về nợ chung: Ông L và bà Yến xác định, không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

[10] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241; Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa ông Trương Ngọc L và bà Phạm Thị Y.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc Hoàng, sinh ngày 03/9/2003, cho bà Y nuôi dưỡng (cháu Hoàng hiện đang sống với bà Y), Trương Ngọc Linh đã đủ tuổi trưởng thành, tự lao động sinh sống được ông L và bà Y không yêu cầu nên không giải quyết,

Về cấp dưỡng: Bà Phạm Thị Y không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, ông Trương Ngọc L và bà Phạm Thị Y không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ, ông Trương Ngọc L và bà Phạm Thị Y không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí, Buộc ông Trương Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006371 ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Ông Trương Ngọc L nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28-11-2019.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

Lê Mỹ Huê